

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM THÀNH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trung.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Tích và ông Nguyễn Sao Hôm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Văn Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung sau khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXX-ST ngày 03/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 27/6/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Bùi Ngọc T, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Bùi Ngọc T kết hôn từ ngày 15 tháng 3 năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh T không quan tâm vợ con, sống không có lập trường của bản thân. Cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 5/2023 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Bùi Ngọc Gia H1, sinh ngày 16/01/2023. Cháu H1 đang ở cùng chị. Sau ly hôn, chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 và tự nguyện để anh T chu cấp cho cháu H1 theo khả năng, điều kiện của anh T. Hiện chị là công nhân, lương bình quân 8 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, anh Bùi Ngọc T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định vợ chồng không hợp tính tình, hay bất đồng quan điểm, xung khắc, cãi nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay và khó có thể đoàn tụ. Do anh xác định vợ chồng không hợp nhau và không có tiếng nói chung nên những ngày sống ly thân anh cũng chỉ đến thăm con mà không nói chuyện, không động viên chị H về đoàn tụ. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, anh xác định vì con cái nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì tùy chị H và anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Bùi Ngọc Gia H1, sinh ngày 16/01/2023. Cháu H1 đang ở cùng chị H. Sau ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu Tòa án giao cho chị H được trực tiếp nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000 đồng/tháng kể từ 4/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi người trực tiếp nuôi cháu H1.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Tại phiên tòa:**

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh T; chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 và chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H1 của anh T 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H tự nguyện chịu cả án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn chị H; anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi cháu H1, nếu Tòa án giao cháu H1 cho chị H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng chị H

2.000.000 đồng/tháng kể từ 4/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi; anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa công bố đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân & gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Bùi Ngọc Gia H1, sinh ngày 16/01/2023 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng chị H 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc chịu cả án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:*

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị H và anh T là do trước khi kết hôn hai bên không tìm hiểu kỹ, vợ chồng không hợp tính tình, không quan tâm chăm sóc

cho nhau. Trong cuộc sống thường ngày hay xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Chị H xét thấy không còn tình cảm với anh T, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin ly hôn anh T. Anh T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, gia đình hai bên đã khuyên bảo, động viên nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay và khó có thể đoàn tụ; thời gian vợ chồng sống ly thân, anh chỉ đến thăm con mà không nói chuyện, động viên chị H về đoàn tụ. Chứng tỏ anh không còn tình cảm, không còn thương yêu chị H. Anh lầy lý do vì con cái nên không đồng ý ly hôn là muốn gây khó khăn cho chị H, cũng không vì mục đích níu kéo chị H về xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn chị H. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được; anh T đồng ý ly hôn chị H nên xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh T có một con chung là Bùi Ngọc Gia H1, sinh ngày 16/01/2023. Cháu H1 đang ở cùng chị H. Chị H và anh T đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1. Xét cháu H1 còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi và đang ở cùng chị H, chị H có việc làm và thu nhập ổn định, mẹ chị H là bà Lương Thị Hải cam kết nếu Tòa án giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H1 thì bà có trách nhiệm giúp chị H chăm sóc cháu H1 chu đáo do vợ chồng bà chỉ có một con là chị H và bà chỉ ở nhà làm nội trợ.

Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo sự ổn định cho việc chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1, đảm bảo nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ, cần thiết giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 là phù hợp. Căn cứ Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân & gia đình, anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 4/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh T, chị không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí và chị tự nguyện chịu cả án phí tiền cấp dưỡng nuôi con nên chị phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1/ Căn cứ vào:** Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**2/ Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Bùi Ngọc T.

**3/ Về con chung:** Giao cho Chị Nguyễn Thị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Ngọc Gia H1, sinh ngày 16/01/2023 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Bùi Ngọc T về việc cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng chị H 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng kể từ tháng 4/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

**4/ Về án phí:** Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng chị H phải chịu 600.000 đồng án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0001961 ngày 01/4/2024. Chị H còn phải nộp 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

**5/ Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã L, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Văn Trung**